

# Một số hoạt động sử dụng video hiệu quả trong dạy học các môn Tiếng Anh Khoa học kĩ thuật theo đường hướng CLIL

Nguyễn Thị Kim Oanh<sup>1</sup>, Trần Thị Huệ<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Email: oanh.nguyenthikim@hust.edu.vn

<sup>2</sup> Email: hue.tranthi@hust.edu.vn

Viện Ngoại ngữ - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội  
Số 01 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Đi đôi với sự bùng nổ của video trên mạng Internet với đa dạng các loại chủ đề khác nhau là việc sử dụng video trong lớp học ngày càng phổ biến. Tại Viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, trong những năm gần đây, video bắt đầu được sử dụng rộng rãi cho các môn học Tiếng Anh Khoa học kĩ thuật theo đường hướng CLIL. Bài viết thảo luận những lí do tại sao video lại được sử dụng nhiều và cách thức giáo viên sử dụng video cho các môn học này. Bài viết hi vọng cung cấp những thông tin hữu ích, có tính ứng dụng cao cho giảng viên khi sử dụng video cho các môn học theo đường hướng CLIL nói chung và các môn Tiếng Anh Khoa học kĩ thuật nói riêng.

**TỪ KHÓA:** Lớp học theo đường hướng CLIL; sử dụng video cho lớp học Tiếng Anh.

→ Nhận bài 27/8/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 18/9/2020 → Duyệt đăng 25/01/2021.

## 1. Đặt vấn đề

“CLIL (Content and Language Integrated Learning) là một đường hướng hay phương pháp tích hợp việc dạy nội dung từ chương trình học với việc dạy một ngoại ngữ” [1, tr.5]. Có mặt ở Châu Âu từ năm 1994 và được chính thức giới thiệu tại Việt Nam từ năm 2008 với Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [2], CLIL ngày càng nhận được sự quan tâm của nhiều trường các cấp ở Việt Nam.

Tại Viện Ngoại ngữ (VNN), Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (ĐHBKHN), có 5 môn Tiếng Anh Khoa học kĩ thuật được giảng dạy theo đường hướng CLIL từ những năm đầu của Chương trình đào tạo (CTĐT) Tiếng Anh Khoa học và Kỹ thuật 2003-2004, đó là Tiếng Anh Khoa học Môi trường (TA KHMT), Tiếng Anh Điện - Điện tử (TA Đ-ĐT) dành cho sinh viên (SV) năm thứ 2 và Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh (TA KT&KD), Tiếng Anh Công nghệ Thông tin và Truyền thông (TA CNTT&TT), Tiếng Anh Cơ khí và Khoa học Vật liệu (TA CK&KHLV) dành cho SV năm thứ 3. Mục tiêu của các môn học này là cung cấp cho SV kiến thức cơ bản về chuyên ngành, đồng thời giúp người học có khả năng thực hành các kĩ năng ngôn ngữ trong môi trường Khoa học công nghệ (KHCN). Như vậy, các môn học này hướng đến đồng thời hai mục tiêu là kiến thức chuyên ngành và kĩ năng Tiếng Anh, giống như quan điểm của Marsh về CLIL “nó (CLIL) không đặt trọng tâm vào việc dạy học ngôn ngữ hay nội dung mà coi cả hai mục tiêu này là những phần không thể tách rời” [3, tr.52].

Qua nhiều năm, giáo trình sử dụng cho những môn học này đã được chỉnh sửa nhiều lần cho phù hợp với nhu cầu của người học, chuẩn đầu ra của CTĐT và yêu cầu của

thị trường. Một trong những thay đổi lớn về giáo trình của những môn này là việc sử dụng video cho hầu hết các bài, đặc biệt cho hoạt động phát triển kĩ năng nghe hiểu. Sau thời gian thử nghiệm, video đã được sử dụng chính thức vì nhiều tác dụng mà nó mang lại. Trong bài viết này, nhóm nghiên cứu phân tích cơ sở lí thuyết trên thế giới và kinh nghiệm thực tế để đưa ra đề xuất về cách thức sử dụng video hiệu quả trong các lớp giảng dạy Tiếng Anh theo đường hướng CLIL, đặc biệt là Tiếng Anh Khoa học kĩ thuật.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Lợi ích của sử dụng video trong giảng dạy các môn học theo đường hướng CLIL

Lí do thứ nhất khiến chúng tôi quyết định sử dụng video cho các môn học theo đường hướng CLIL là để tăng hứng thú cho người học. Trên thực tế, nhiều học giả trên thế giới cùng có quan điểm này với chúng tôi. Theo Sherman [4, tr.1], video tăng sự thích thú của người học vì người học dùng hai giác quan cùng lúc: Nghe và xem. Kết quả nghiên cứu của Maria [5, tr.36] cũng khẳng định điều đó. Khi tiết học sử dụng video, học sinh thấy hứng thú hơn, chăm chú theo dõi và tích cực tham gia thảo luận hơn. Oddone [6, tr.109], Kennedy [7, tr.96] và Marknight [8, tr.2] giải thích video mang lại hứng thú cho người học vì mang vào lớp học những tình huống có thực trong cuộc sống và sử dụng ngôn ngữ thực (authentic language).

Ngoài ra, với môn học theo đường hướng CLIL - đặt trọng tâm vào việc phát triển cả kĩ năng ngôn ngữ và nội dung, video có vai trò rất lớn trong việc giúp người học hiểu nội dung được truyền tải. Theo Marknight [8, tr.20-

21], Çakır [9, tr.68] và Canning-Wilson [10, tr.3] so với tài liệu chỉ có âm thanh, video có các yếu tố giúp người học dễ hiểu nội dung hơn, gồm bối cảnh, hình ảnh minh họa, ngôn ngữ hình thể và thái độ của người nói thể hiện qua sắc mặt, chuyển động đầu, tay, giọng nói cao thấp, trầm bổng... Chỉ cần một cái gật đầu của người nói có thể giúp thể hiện tầm quan trọng của thông tin trong câu nói. Điều này cũng được khẳng định qua kết quả nghiên cứu của Abdulrahman “hình ảnh và ngôn ngữ cơ thể giúp SV hiểu nội dung... mà không cần hiểu từng từ trong video đó” [11, tr.86]. Đối với các môn học theo đường hướng CLIL có nội dung chuyên ngành khoa học kỹ thuật thì tầm quan trọng của video càng được thể hiện rõ nét vì “video có thể cung cấp thông tin dưới dạng hình ảnh (động) mà vốn chỉ được thấy qua văn bản hoặc ở dạng “tĩnh”, chẳng hạn như một quy trình công nghiệp hay một thiết bị khoa học/công nghiệp nặng” [7, tr.98]. Nhờ có video, mọi chi tiết nhỏ nhất bên trong động cơ xăng bốn kì, mọi phản ứng hoá học bên trong lò luyện kim thép hay mọi chuyển động của các electron trong dòng mạch đều được thể hiện sinh động, giúp SV có thể nắm kiến thức dễ dàng hơn. Hay nói cách khác, “video có thể làm cho thông tin rõ ràng hơn bằng cách minh họa các mối quan hệ theo cách mà từ ngữ không làm được” [9, tr.68].

Lí do cuối cùng là trong thời đại công nghệ thông tin và mạng Internet phát triển như hiện nay, chúng tôi có thể dễ dàng tiếp cận các nguồn video khác nhau như Youtube, Research Channel, Teacher Tube, TED, videolectures.net để sử dụng cho mục đích giáo dục. Đối với các tài liệu về khoa học kỹ thuật mà chúng tôi cần thì explainthatstuff.com, howstuffworks.com/ hay study.com là những trang web có nguồn tài liệu dồi dào và rất phù hợp. Trên thực tế, chúng tôi đã gặp khó khăn trong việc tìm giáo trình có sẵn trên thị trường phù hợp với mục tiêu đào tạo của các môn học theo đường hướng CLIL. Hầu như các giáo trình có sẵn chỉ dành cho các lớp học ESP. Ví dụ như bộ sách English for Environmental Science, English for Electrical Engineering, English for Mechanical Engineering và English for Information Technology in Higher Education Studies courses của Nhà xuất bản Garnet Education chỉ tập trung về phát triển kỹ năng ngôn ngữ cho sinh viên ngành kỹ thuật. Do đó, phần nội dung kiến thức chuyên ngành thường bị quá khó hoặc thiếu tính hệ thống so với mục tiêu đào tạo cho SV chuyên ngữ. Ngoài ra, một bộ sách được xây dựng trên cùng một cấu trúc bài, với các chức năng và kỹ năng ngôn ngữ giống nhau và chỉ khác nhau ở phần nội dung chuyên ngành. Đây cũng là một trở ngại khi chúng tôi hướng đến việc xây dựng giáo trình mang tính tăng dần độ khó về kỹ năng ngôn ngữ cho SV ở các năm học khác nhau. Chính vì lí do đó, chúng tôi đã xây dựng giáo trình cho 3/5 môn học và thiết kế hoạt động hỗ trợ cho hai môn còn lại sử dụng giáo trình có sẵn trên thị trường. Trong bối cảnh như vậy cộng với những lợi ích mà video mang

lại như đã đề cập ở trên, chúng tôi nhận thấy video chính là nguồn tài liệu phù hợp nhất cho các môn học theo đường hướng CLIL mà chúng tôi đang giảng dạy.

Trong những buổi trao đổi chuyên môn với chúng tôi, năm giảng viên hiện đang giảng dạy các môn theo đường hướng CLIL tại VNN, Trường ĐHBKHN đều đồng quan điểm với chúng tôi và các học giả ở trên, khẳng định việc sử dụng video giúp SV hào hứng hơn và dễ dàng tiếp thu kiến thức hơn đặc biệt là đối với các chuyên ngành được cho là khó với SV chuyên ngữ như Công nghệ thông tin và truyền thông, Điện - Điện tử hay Cơ khí và Khoa học vật liệu.

## **2.2. Một số hoạt động khai thác video hiệu quả trong các môn học theo đường hướng CLIL**

### **2.2.1. Các tiêu chí lựa chọn video phù hợp với hoạt động dạy học**

Vì sử dụng video cho các lớp học theo đường hướng CLIL nên tiêu chí đầu tiên mà chúng tôi quan tâm khi lựa chọn video là nội dung phải phù hợp với chủ đề của bài học và đặc biệt là phù hợp với mục đích của hoạt động đó. Ví dụ, video sử dụng cho bài học về bơm và mục đích của hoạt động nghe của bài này là giới thiệu cho SV về cấu trúc và hoạt động của bơm thì video mà chúng tôi chọn trước tiên phải đạt được tiêu chí nội dung này.

Khi đã chọn được nội dung phù hợp, chúng tôi xem xét chất lượng video theo hai tiêu chí: chất lượng âm thanh, hình ảnh và chất lượng ngôn ngữ sử dụng. “Chất lượng âm thanh cần to và rõ ràng” [12, tr.66] và ngôn ngữ phải được sử dụng chính xác, tự nhiên.

Tiêu chí tiếp theo là độ dài của video. Độ dài của video tùy thuộc vào nhiều yếu tố như mục đích sử dụng, nội dung sử dụng, năng lực người học và thời lượng bài giảng. Canning-Wilson [10, tr.4] gợi ý: “Nếu sử dụng video trong lớp học để cải thiện khả năng nghe hiểu thì nên tách video thành nhiều đoạn, chứ không nên dùng cả video” vì theo Baltova [13], một số SV sẽ mất tập trung sau 6 phút và số lượng này sẽ tăng lên sau 10 phút. Çakır cho rằng video từ 10 phút trở lên phù hợp hơn với SV có năng lực ngôn ngữ giỏi vì SV yếu dễ bị mất tập trung [9, tr.68]. Với các môn học của chúng tôi, thời lượng video thường có độ dài từ 4 - 5 phút. Nếu video chúng tôi tìm được quá dài thì thường sẽ được cắt ngắn bớt với điều kiện đảm bảo tính hoàn chỉnh nhất định về nội dung. Hiện nay, với những phần mềm xử lý video trên máy tính hoặc các phần mềm online, hay đơn giản là tính năng edit trên điện thoại iphone, việc chỉnh sửa độ dài của video có thể thực hiện vô cùng dễ dàng.

### **2.2.2. Cách sử dụng video hiệu quả cho lớp học theo đường hướng CLIL**

Çakır [9, tr.69-70] đã đề xuất một số kỹ thuật sử dụng video trong lớp học và chúng tôi xin được lược dịch như sau (xem Bảng 1):

**Bảng 1: Một số kĩ thuật sử dụng video trong lớp học**

| Kĩ thuật              | Sử dụng trong lớp học  |
|-----------------------|--|
| XEM TÍCH CỰC          | Xem video tích cực tăng sự thích thú và hài lòng của người học, đồng thời khiến người học tập trung vào ý chính của phần trình bày trong video. Vì vậy, người học rất cần phải tham gia tích cực vào phần trình bày trong video. Trước khi chiếu video, giảng viên viết một số câu hỏi lên bảng nhằm giúp người học nắm được nội dung khái quát của video. Để trả lời câu hỏi, SV có thể ghi chép trong lúc xem. Nhằm giúp SV hiểu chi tiết hơn, giảng viên có thể cung cấp bảng câu hỏi gợi ý khi xem và yêu cầu SV xem và nghe những thông tin chi tiết hoặc những đặc điểm ngôn ngữ cụ thể nào đó. Tuy nhiên, giảng viên nên chú ý đến trình độ của SV và điều chỉnh kĩ thuật cho phù hợp.  |
| DỪNG HÌNH VÀ ĐOÁN     | Video cung cấp cho người xem thông tin về ngôn ngữ cơ thể, biểu cảm khuôn mặt, cảm xúc, và phản ứng cho nhân vật. Giảng viên có thể dừng hình khi muốn dạy những từ hoặc cụm từ về tâm trạng và cảm xúc, để hỏi câu hỏi về một cảnh nào đó hoặc thu hút sự chú ý của người học tới một điểm nào đó. Khi dừng hình, giảng viên có thể yêu cầu SV đoán xem chuyện gì sắp xảy ra. Kĩ thuật này rất hữu ích cho việc rèn kĩ năng phỏng đoán của SV, kích thích trí tưởng tượng của người học.  |
| XEM KHÔNG TIẾNG       | Xem không tiếng kích thích sự thích thú, khả năng tư duy và phát triển kĩ năng phán đoán của người học. Xem không tiếng tức là chỉ chiếu phần hình và tắt phần tiếng. Kĩ thuật này có thể dùng cho người học xem lần đầu. Giảng viên có thể dừng video tại một điểm nào đó và yêu cầu người học đoán xem chuyện gì đang xảy ra, nhân vật đang nói gì hoặc chuyện gì đã xảy ra tới thời điểm đó. Sau đó, giảng viên cho người học xem lại cả tiếng và hình để người học có thể so sánh phán đoán của mình với nội dung thực tế.   |
| NGHE KHÔNG HÌNH       | Giảng viên chỉ bật phần âm thanh và che phần hình đi. Sau đó, giảng viên yêu cầu SV đoán hoặc diễn tả lại những hành động đã xảy ra trong đoạn video dựa vào nội dung nghe được. Hoạt động này có thể rất vui và hữu ích.  |
| NHẮC LẠI VÀ ĐÓNG VAI  | Khi video có những điểm ngôn ngữ khó, giảng viên có thể yêu cầu người học nhắc lại. Đây có thể được coi là một bước cần thiết giúp người học luyện tập giao tiếp. Giảng viên dừng lại một cảnh trên video trong một thời gian nhất định và yêu cầu người học nhắc lại theo hình thức cá nhân hoặc đồng thanh. Khi thấy người học đã hiểu rõ nội dung, giảng viên yêu cầu SV diễn lại cảnh đó và phải sử dụng càng nhiều ngôn ngữ như trong đoạn video gốc càng tốt dựa vào trí nhớ. Sau khi SV đã tự tin hơn với việc đóng vai và có thể sử dụng từ vựng và các cấu trúc ngôn ngữ, giảng viên có thể giao những hoạt động sáng tạo hơn, chẳng hạn như thay đổi nội dung cho phù hợp với quan điểm của người học về tình huống đó hoặc với nhân vật mà họ đang diễn. Hoạt động này giúp người học tích cực hơn vì khi mỗi SV được giao một vai diễn, họ sẽ hăng hái tham gia bài học hơn. Ngoài ra, hoạt động này còn giúp người học hiểu rõ hơn về hành vi của chính mình và có khả năng ứng phó theo cách tích cực trước các mối quan hệ đa dạng giữa người với người. Nói cách khác, đóng vai là hoạt động giao tiếp hiệu quả và một bước chuẩn bị tốt cho các tình huống trong cuộc sống thực. Người học có cơ hội áp dụng những gì đang học. |
| NHẮC LẠI NỘI DUNG     | Sau khi xem một đoạn video, giảng viên yêu cầu người học nhắc lại nội dung đang nói bằng cách miêu tả lại chuyện gì đang xảy ra hoặc viết lại hoặc kể lại chuyện gì đã xảy ra. Hoạt động này khuyến khích người học kiểm nghiệm lại kiến thức. Người học có cơ hội sử dụng Tiếng Anh, mặc dù có thể khó và mắc lỗi. Nếu giảng viên thấy SV gặp khó khăn thì có thể hướng dẫn, trợ giúp và động viên thêm.  |
| LỔNG TIẾNG            | Có thể thực hiện hoạt động này khi người học có năng lực ngôn ngữ cần thiết. Sau khi xem một đoạn video không có tiếng, giảng viên yêu cầu SV lồng tiếng vào một đoạn hội thoại bị thiếu thông tin. Việc SV được hoàn thành một cảnh video bằng việc lồng tiếng như thế này rất thú vị và vui vẻ.  |
| HOẠT ĐỘNG SAU KHI XEM | Hoạt động xem video rất cần được mở rộng bằng một hoạt động bổ trợ theo sau. Chẳng hạn như hoạt động thảo luận sẽ giúp phát triển khả năng giao tiếp, phát triển kĩ năng chia sẻ và hợp tác.   |

Tại VNN, Trường ĐHBKHN, chúng tôi sử dụng tất cả các kĩ thuật này cho các môn học theo đường hướng CLIL. Dưới đây là một số ví dụ:

#### *Kĩ thuật Xem tích cực*

Kĩ thuật này được sử dụng ở gần như tất cả các hoạt động nghe của các môn học theo đường hướng CLIL. Tất cả các bài nghe đều được đi kèm với các dạng câu hỏi để giúp SV xem một cách tích cực và chủ động. Chúng tôi sử dụng đa dạng các loại câu hỏi như: Câu hỏi có câu trả lời ngắn, hoàn thành bảng biểu/ sơ đồ/ mô hình, điền chỗ trống với số lượng từ nhất định, ghép đôi, đúng/sai...

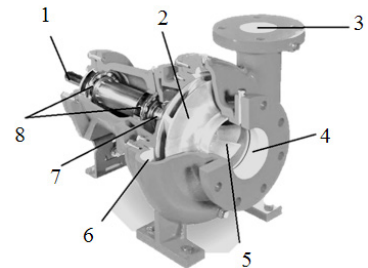
Dưới đây là một số ví dụ:

- Câu hỏi hoàn thành mô hình (Bài 2 - TA CK&KHVL)

**Watch a video** (<https://www.youtube.com/watch?v=BaEHVpKc-1Q>) **about HOW CENTRIFUGAL PUMP WORKS**

**and do the exercises**

a. Label the picture with the components that are mentioned in the text:



b. Answer the questions below:

1. What does the impeller consist of?
2. How does the water move when the impeller rotates?
3. Why is the water continually sucked into the eye?

...

- Câu hỏi Đúng/Sai ((Bài 4 - TA CK&KHVL)

**a. Watch a video** (<https://www.youtube.com/watch?v=w5SgnsWlkDw>) **on HYBRID ELECTRIC VEHICLES. As you listen to the first part of the talk, decide whether the following statements are true (T) or false (F).**

1. Hybrid electric vehicles (HEVs) were first invented in early 1900s.
  2. One problem with current lithium-ion batteries is its energy density.
  3. Hybrid electric vehicles do not have a traditional engine such as diesel and petrol engine.
- ...

*Kỹ thuật dừng hình và đoán*

Hoạt động này thường được dùng khi giảng viên nhận thấy SV đã có kiến thức nền về một phần nào đó của nội dung video. Kiến thức nền đó có thể đến từ trải nghiệm thực tế hoặc khả năng tự học hỏi của SV, từ hoạt động, bài hoặc chương trước đó. Lúc này, giảng viên có thể dừng hình và yêu cầu SV đoán thử xem chuyện gì sắp xảy ra. Việc này mang lại hai lợi ích: Tạo cơ hội cho SV củng cố và sử dụng kiến thức đã học và tạo sự hứng thú khi SV háo hức muốn xem phán đoán của mình có đúng không và thấy mối liên hệ giữa kiến thức đang học với kiến thức đã biết. Kỹ thuật này cũng có thể sử dụng khi giảng viên muốn kiểm tra khả năng hiểu bài của SV bằng cách cho SV xem lại lần hai, dừng hình và yêu cầu SV nói lại chuyện gì sắp xảy ra.

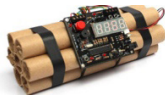

Chẳng hạn, trong bài 5 về hoạt động của Hệ thống làm mát động cơ, giáo trình TA CK&KHVL ([https://www.youtube.com/watch?v=y5p31F\\_dVJU](https://www.youtube.com/watch?v=y5p31F_dVJU)), giảng viên có thể dừng hình và yêu cầu SV đoán chức năng của van nhiệt (thermostat) trong hệ thống này dựa vào kiến thức về tiền tố thermo - bắt nguồn từ tính từ thermal - nghĩa là thuộc về nhiệt và dựa vào kiến thức về thermostat đã học trong bài 3 - Tủ lạnh - trước đó. Sau đó đến phần hoạt động của van này, giảng viên dừng hình và yêu cầu SV đoán xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp khi động cơ mát và van nhiệt mở.

*Kỹ thuật nghe không hình*

Ngược lại với kỹ thuật xem không tiếng, kỹ thuật này được chúng tôi sử dụng khi muốn SV nghe được một số thuật ngữ hoặc kiến thức quan trọng mà các em đã được học trong các hoạt động khác trong khi những thông tin này lại được chiếu trên màn hình video.

**Task 6: Listen to the recording** (<https://www.youtube.com/watch?v=fxJWin195kU>) **on The ENGINEERING PROCESS (without watching the video) and match the names of inventors with their**

**inventions and relevant information about them.**

| Inventors                | Inventions  | Relevant information                              |
|--------------------------|---|---|
| 1. Alexander Graham Bell |  | a. He designed it to reduce cost.                 |
| 2. Alfred Nobel          |  | b. His design was aimed at enhancing user safety. |

Trong bài này, SV chỉ nghe phần âm thanh mà không được xem phần hình vì một số thông tin và hình ảnh trong câu hỏi xuất hiện trên màn hình video. Hoạt động này mang tính chất khởi động cho hoạt động về các bước trong quá trình thiết kế kỹ thuật sau đó. Để tạo hứng thú cho SV, giảng viên nên yêu cầu SV đoán câu trả lời trước khi nghe vì các câu hỏi này liên quan đến kiến thức thường thức nên nhiều SV có thể đã biết. Sau khi nghe và trả lời câu hỏi xong, giảng viên sẽ bật hình và âm thanh để giúp SV kiểm tra câu trả lời trước đó và để hiểu rõ hơn về nội dung trong video

*Kỹ thuật nhắc lại và đóng vai*

Hoạt động đóng vai đặc biệt hiệu quả đối với môn TA KT&KD, khi giảng viên muốn SV được luyện tập cách tổ chức cuộc họp nội bộ công ty hay cuộc họp với đối tác. Trong phần giới thiệu và luyện tập kỹ năng tham gia cuộc họp, bài 1, giáo trình Tiếng Anh KT&KD, giảng viên cho SV xem cuộc họp mẫu từ video [https://www.youtube.com/watch?v=Wb6Oc1\\_SdJw](https://www.youtube.com/watch?v=Wb6Oc1_SdJw). Sau đó, SV được yêu cầu đóng các vai trong cuộc họp như người điều hành và các thành viên tham gia, sử dụng đúng những cấu trúc Tiếng Anh và những thông tin trong video mẫu để bắt đầu, kết thúc cuộc họp, mời phát biểu ý kiến, thể hiện quan điểm đồng ý, phản đối. Đối với SV giỏi hơn, sau lần nhắc lại câu thoại, giảng viên có thể yêu cầu SV tự dùng cách diễn đạt và nội dung của riêng mình để tạo hứng thú cũng như rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ.

*Kỹ thuật nhắc lại nội dung và xem không tiếng*

Đây là hoạt động được sử dụng thường xuyên trong giờ học theo đường hướng CLIL của chúng tôi. Sau khi SV xem và làm các bài tập kèm theo, khi kiểm tra và chữa câu trả lời, giảng viên dừng hình và yêu cầu SV nhắc lại một số nội dung để đảm bảo SV trả lời được câu hỏi là nhờ thực sự hiểu bài. Ngoài ra, sau khi xem lần một và chữa xong toàn bộ bài tập, giảng viên cũng có thể tắt tiếng và yêu cầu SV nhìn vào hình và trình bày lại nội dung theo cách hiểu của mình. Kỹ thuật này giúp SV hiểu, nhớ nội dung và vận dụng được kỹ năng ngôn ngữ vào mục đích cụ thể. Dưới đây là một ví dụ trong bài 4, giáo trình TA Đ-ĐT:

**Watch the video** (<https://www.khanacademy.org/partner-content/nova/nova-labs-topic/energy/v/solarpower>) **about HOW A PHOTOVOLTAIC CELL WORKS.**

**a. Complete the notes:**

- Sun - abundant source of energy: amount of solar energy that strikes Earth's surface in (1)..... could supply every person on the planet with electricity for (2).....
- Photovoltaic (PV) cells – (3) ..... on roofs, made of (4).....

**b. Use your notes and look at the diagram to describe how a photovoltaic cell works.**

*Kỹ thuật lồng tiếng*

Hoạt động này ngoài việc giúp SV củng cố kiến thức vừa được học vừa giúp các em có thêm kỹ năng giao tiếp, thể hiện bản thân, phát triển sự sáng tạo và linh hoạt và đặc biệt là mang lại sự vui vẻ trong lớp học khi các em được đóng vai người diễn thuyết. Chẳng hạn, trong hoạt động nghe, bài 4, giáo trình TA CNTT&TT dưới đây, sau lần đầu xem video về bài giới thiệu sản phẩm mới và hoàn thành bản ghi chép, SV được yêu cầu lồng tiếng cho video khi phần âm thanh được tắt đi ở lần hai. SV được khuyến khích sử dụng ngôn ngữ cơ thể và dùng cách diễn đạt của riêng mình.

**Watch the video** (<https://www.youtube.com/watch?v=-hExjHFst0g>) **about Apple Magic Mouse**

**a. Complete the notes below**

\* General Introduction:

- New kind, incredibly (1).....
- Top shell = (2)..... → you can click anywhere.
- ...

**b. Use your notes to give sound to the silence video.**

*Hoạt động sau khi xem*

Kỹ thuật này gần như không thể thiếu với một hoạt động nghe hiệu quả. Để giúp SV nhớ bài lâu, chúng tôi thường yêu cầu SV vận dụng kiến thức vào các hoạt động nói và viết sau khi xem. Sau đây là ví dụ trong bài 6, giáo trình TA CNTT&TT. SV được yêu cầu thảo luận tìm ra phương án lưu trữ dữ liệu phù hợp nhất cho bản thân sau khi xem đoạn video và hoàn thành bản ghi chép về sự khác nhau giữa hai loại ổ cứng SSD và HDD.

**Task 7. You are going to watch a video comparing HDD and SSD**

**a. Complete the notes below: SSD vs HDD**

- Speed: although SSD's (1)..... is several times faster than HDD, in practice SSD can be (2)..... as fast, not as great as we believe.
- Lifespan: SSD can have 5 years of use while HDD can be (3)..... although (4)..... gets worse with the time.
- ...

**b. Discuss the best solution for your data storage.**

Hoạt động này tạo hứng thú và tạo hứng cho SV vì họ được sử dụng ngôn ngữ và kiến thức trong một hoạt động giao tiếp có mục đích, hiểu được mối liên hệ rõ ràng giữa việc học và cuộc sống thực tế.

**3. Kết luận**

Video được sử dụng cho gần như tất cả các bài trong các môn học theo đường hướng CLIL tại VNN, Trường ĐHBKHN vì có những ưu điểm nổi trội so với băng ghi âm. Thứ nhất, với việc kích thích cùng lúc hai giác quan là xem và nghe của người học, cung cấp trải nghiệm thật nhờ sử dụng ngôn ngữ và tình huống thực, video tạo tính hứng thú cho người học và giúp họ dễ hiểu nội dung được truyền tải trong video. Ngoài ra, video với nhiều nội dung khác nhau ngày càng dễ dàng được tìm thấy trên mạng Internet. Sự ra đời của các công cụ xử lý video cũng khiến việc áp dụng video cho bài giảng thuận lợi hơn. Bằng việc áp dụng linh hoạt nhiều kỹ thuật sử dụng video cho bài giảng được các nhà giáo dục trên thế giới đề xuất, chúng tôi nhận thấy video thực sự đã mang lại hiệu quả cho các giờ học theo đường hướng CLIL. Có thể kể một số kỹ thuật như: Xem tích cực, xem không tiếng, nghe không hình, dừng hình và đoán, nhắc lại và đóng vai, nhắc lại nội dung, lồng tiếng, hoạt động sau khi xem. Những hoạt động này giúp bài học hào hứng hơn, người học được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ như nghe hiểu tiếng Anh, nói, viết tiếng Anh, phát triển trí tưởng tượng, khả năng phán đoán, khả năng thể hiện bản thân. Đồng thời, người học cũng có thể hiểu, nhớ và nhắc lại nội dung kiến thức về khoa học, kỹ thuật. Như vậy, video đã giúp đạt được đúng mục tiêu của môn học theo đường hướng CLIL là phát triển ngôn ngữ Tiếng Anh đồng thời với trang bị nội dung kiến thức về Khoa học kỹ thuật cho người học.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Bentley, R, (2010), *The TKT course CLIL Module*, Cambridge University Press, Cambridge.  
 [2] Lê Thị Bích Ngọc, (2019), *CLIL in Vietnam: Evolution of students' and teachers' perceptions in an innovative foreign language learning system*, Luận án tiến sĩ, Đại

học Toulouse.  
 [3] Marsh, D, (2002), *CLIL/EMILE-The European dimension: Actions, trends and foresight potential*, University of Jyväskylä, Jyväskylä.  
 [4] Sherman, J, (2003), *Using Authentic Video in the*

- Language Classroom*, Cambridge University Press, Cambridge.
- [5] Maria, R.G, (2012), *Usage of Multimedia Visual Aids in the English Language Classroom: A Case Study at Margarita Salas Secondary School (Majadahonda)*, Luận án thạc sĩ, Đại học quốc tế La Rioja.
- [6] Oddone, C, (2011), *Using Videos from YouTube and Websites in the CLIL Classroom*, *Studies About Languages*, 18, pp.105-110.
- [7] Kennedy, Ch, (1983), *Video in English for Specific Purposes*, Video applications in English language Teaching (ed. John McGovern), pp.95-101, Pergamon Press Ltd and The British Council, Oxford.
- [8] Marknight, F, (1983), *Video and English language Teaching in Britain*, Video applications in English language Teaching (ed. John McGovern), pp.1-15, Pergamon Press Ltd and The British Council, Oxford.
- [9] Çakır, Ismail, (2006), *The use of video as an audio-visual material in foreign language teaching classroom*, *Turkish Online Journal of Educational Technology*, 5(4). pp.67-72.
- [10] Canning-Wilson, C, (2000), *Practical Aspects of Using Video in the Foreign Language Classroom*, *The Internet TESL Journal*, 6(11), <http://iteslj.org/Articles/Canning-Video.html>.
- [11] Abdulrahman, Tr, (2017), *TED Talks as Listening Teaching Strategy in EAP Classroom*, *Asia EFL Journal*, 10, pp.71-92.
- [12] Hess, D.E, (2003), *Using video to create a vision for powerful discussion teaching in secondary social studies*, *Using Video in Teacher Education*, *Advances in Research on Teaching* (ed. Jere Brophy), 10, pp.53-71, Emerald Group, Melbourne.
- [13] Baltova, I, 1994, *Impact of video on the comprehension skills of core French students*, *Canadian Modern Language Review*, 50(3), pp.506-531.

## SOME ACTIVITIES USING VIDEOS EFFECTIVELY FOR TEACHING ENGLISH FOR ENGLISH FOR SCIENCE AND TECHNOLOGY CLASSES ON THE APPROACH OF CONTENT AND LANGUAGE INTEGRATED LEARNING (CLIL)

Nguyen Thi Kim Oanh<sup>1</sup>, Tran Thi Hue<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Email: oanh.nguyenthikim@hust.edu.vn

<sup>2</sup> Email: hue.tranthi@hust.edu.vn

School of Foreign Languages -  
Hanoi University of Science and Technology  
No.01 Dai Co Viet, Ha Ba Trung, Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** *The boom of online videos on the Internet has gained in their popularity in classes. At the School of Foreign Languages, Hanoi University of Science and Technology, videos have been used widely in CLIL-oriented English for science and technology classes over the last few years. This paper investigates the reasons for this trend and how videos are exploited for educational purposes for these classes here. The article is expected to provide useful, highly applicable information to lecturers when using videos for CLIL-oriented classes in general and CLIL-oriented English for Science and Technology classes in particular.*

**KEYWORDS:** CLIL-oriented classes; using videos for English classes.